

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

*Gói thầu: Thi công xây lắp, mua bảo hiểm và thuê máy phát điện dự án: Tăng cường công suất các trạm biến áp 3*75 và 3*100kVA chống quá tải năm 2025 - Công ty Điện lực Gò Vấp (đợt 2)*

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Gia Định Địa chỉ: 368 Nguyễn Văn Lượng, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh Mã số thuế: 0300951119-004 Điện thoại: (028) 22 160 204 Fax: (028) 22 268 986 Tài khoản: 6421201333888 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Bắc Tp.HCM. Đại diện bởi Ông: Vương Quốc Minh Chức vụ: Giám đốc <i>(Giấy ủy quyền số 4213/UQ-EVNHCMC ngày 14/08/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH)</i> Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0300951119-004 do Sở Tài Chính TP.HCM cấp (Đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/07/2025)
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Thi công xây lắp, mua bảo hiểm và thuê máy phát điện dự án: Tăng cường công suất các trạm biến áp 3*75 và 3*100kVA chống quá tải năm 2025 - Công ty Điện lực Gò Vấp (đợt 2)
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại phường Thông Tây Hội, phường An Hội Đông, phường An Hội Tây, phường An Nhơn – TP. Hồ Chí Minh và được xác định trong Bản vẽ Theo BCKTKT được duyệt đính kèm.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 120 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình nghiệm thu hoàn thành (không bao gồm thời gian xin phép thi công đối với các hạng mục công việc bắt buộc phải xin phép).
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Theo thông báo khởi công.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ...
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Công ty Điện lực Gia Định

	Địa chỉ: 368 Nguyễn Văn Lượng, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh. - Tư vấn giám sát là: ...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Theo thỏa thuận trong hợp đồng ký giữa hai bên
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Biên bản hoàn thiện hợp đồng; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ĐKCT; ĐKC; HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu; E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có); Thông số kỹ thuật; Bản vẽ; Mô tả công việc mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu; Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT (Các tài liệu kèm theo khác: Bảng tiến độ thi công, bảng đăng ký chủng loại vật tư thiết bị được chủ đầu tư đồng ý thông qua, phương án thi công được chủ đầu tư thỏa thuận, các tài liệu liên quan khác phục vụ việc triển khai thi công, nghiệm thu, quyết toán dự án,...
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không có.
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Nhà thầu phải mua bảo hiểm kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình. Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp ở Việt Nam, bao gồm: Nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng cùng với vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp của công trình (nếu có) với bên thụ hưởng là Công ty Điện lực Gia Định. Thời hạn bảo hiểm: kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng với 36 tháng bảo hành công trình theo quy định. Phí bảo hiểm được tính trên tổng giá trị thiết bị và xây dựng thực tế của công trình. Nhà thầu phải xuất trình Giấy chứng nhận bảo hiểm công trình xây dựng kèm theo bản sao hoá đơn mua bảo hiểm trước khi Chủ đầu tư ban hành lệnh khởi công công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình là 36 tháng, bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Mức bảo đảm bảo hành là 5% giá trị hợp đồng sau thuế, trường hợp chưa có giá trị quyết toán công trình. Trường hợp đã có giá trị quyết toán công trình, mức bảo đảm bảo hành là 5% giá trị quyết toán sau thuế.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Công trường không thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư. Chủ đầu tư đang sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của địa phương. Địa điểm công trường thi công thuộc khu vực phường Thông Tây Hội, phường An Hội Đông, phường An Hội Tây, phường An Nhơn – TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết xem trong hồ sơ thiết kế đính kèm.

E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Nhà thầu được quyền sử dụng công trường kể từ ngày bàn giao mặt bằng (<i>ngày cụ thể sẽ được các bên thống nhất ghi trong Biên bản bàn giao</i>)
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng, hòa giải trực tiếp. Nếu sau 28 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng, hòa giải mà Chủ đầu tư và Nhà thầu không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai bên có quyền đưa các tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Bên thua kiện chịu toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Theo thông báo khởi công. - Ngày hoàn thành dự kiến: Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 02 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 59.389.143 đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không có.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Đáp ứng theo Chương V – Tiêu chuẩn kỹ thuật của E-HSMT.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm tiền tạm ứng, giấy yêu cầu tạm ứng của Nhà thầu, xác nhận đã khởi công công trình của giám sát Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho Nhà thầu số tiền tương ứng 20% giá trị hợp đồng trước thuế.

	- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đề nghị tạm ứng, bảo đảm tiền tạm ứng và các tài liệu liên quan.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: a) Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100% Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm (nếu có)) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng (theo hướng dẫn Nghị định 37/2015/NĐ-CP) b) Thời hạn thanh toán: 14 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Thực hiện tối đa 03 lần sau mỗi lần nghiệm thu với giá trị tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện trừ đi giá trị tạm ứng (nếu có). <u>Cụ thể:</u> - Lần thanh toán giai đoạn 1 (nếu có): nhà thầu phải thi công đạt tối thiểu 50% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán giai đoạn 1, giá trị bằng 95 % giá trị quyết toán giai đoạn 1, sau khi thu hồi 100% giá trị tạm ứng (nếu có); - Lần thanh toán giai đoạn 2 (nếu có): nhà thầu phải thi công đạt tối thiểu 90% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán giai đoạn 2, giá trị bằng 95 % giá trị quyết toán giai đoạn 2. - Khi nhà thầu hoàn tất việc thi công công trình và hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và quyết toán theo đúng quy định và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành. Chủ đầu tư sẽ thanh toán tối đa đến 95% giá trị quyết toán A-B, trừ đi tiền tạm ứng và tiền thanh toán lần 1, lần 2... - Chủ đầu tư thanh toán 05% còn lại ngay sau khi hoàn tất thẩm tra quyết toán và nhà thầu phối hợp tốt trong hoàn tất hồ sơ quyết toán và thực hiện đúng các cam kết xử lý tồn tại (nếu có). b) Hồ sơ thanh toán: - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B; - Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho

	các công việc này có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B; - Đề nghị thanh toán của bên B cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. <i>Thuế GTGT được điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn thanh toán.</i>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: a) Bổ sung hạng mục công việc phát sinh ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế nhưng nằm trong mục tiêu của E-HSMT, do các tình huống không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu xây lắp theo yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó; c) Thay đổi về thiết kế; d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. Trong đó: - Trường hợp khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc đã thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho các khối lượng này để thanh toán. Đơn giá cho phần phát sinh này được hai bên thương thảo thống nhất đảm bảo không vượt đơn giá dự toán phát sinh được duyệt, áp dụng tỷ lệ chiết giảm theo giá trúng thầu và quy định tối ưu hóa chi phí hiện hành.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Theo hướng dẫn tại quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025, nội dung phạt, bồi thường thiệt hại với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau: a) <i>Phạt vi phạm hợp đồng:</i>

	- Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán. - Vi phạm về chất lượng công trình: + Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại. + Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại. + Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng. + Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt, tự ý thay đổi thiết kế hoặc không tuân thủ phương án thi công đã được phê duyệt. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng. + Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra. + Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. + Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. + Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ. + Các vi phạm khác như: ▪ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan,... ▪ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm,... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình.
--	--

	▪ Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu. ▪ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định. <i>b) Mức phạt:</i> - Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12% x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2%, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4%, tối đa 12%). - Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2%, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4%, tối đa 12%). - Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5%, mức phạt tối đa đến 12% sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng). - Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Theo nội dung quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025. <i>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</i> Trong đó: (1) Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng, ... do đơn vị thi công gây ra (thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố, ...). <i>(trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này).</i> (2) Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Theo thông báo của Chủ đầu tư

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước ngày nghiệm thu tối thiểu 02 ngày.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại 5% giá trị hồ sơ quyết toán.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.